

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
và cấp dưỡng nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Anh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* **1. Bà Cao Thị Mận.**

**2. Ông Phạm Đức Anh.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:**

Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐ-HPTST ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1968. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm: 1972 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số nhà 04, tỉnh lộ 766, ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

*Người làm chứng:* Vợ chồng ông **Hồ Q**, sinh năm: 1969. (*Vắng mặt*)

Bà **Lê Thị Thu T**, sinh năm: 1973. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp GH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08-6-2-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện, ông và bà Nguyễn Thị Kim P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1996, tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, đến nay ông bà không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Kim P có 03 người con chung tên: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 19-10-1996, Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-1997 và Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 11-6-2013. Khi ly hôn, ông đồng ý giao người con tên Nguyễn Ngọc U cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hai người con tên Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Ngọc H đã trưởng thành, có việc làm, đủ khả năng tự nuôi bản thân, nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc H về diễn biến hôn nhân, con chung giữa bà và ông Nguyễn Ngọc H. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013, phát sinh mâu thuẫn, khi bà sinh người con thứ ba thì ông Nguyễn Ngọc H không quan tâm đến vợ con. Năm 2014, ông H đã một lần nộp đơn yêu cầu ly hôn. Từ đó đến nay, vợ chồng sống không hạnh phúc, ông bà không còn sống chung, bà đi làm ở xa để nuôi con, còn ông Nguyễn Ngọc H vẫn ở địa phương nhưng không cùng bà chăm sóc, nuôi dạy con. Nay ông Nguyễn Ngọc H yêu cầu ly hôn, bà không chấp nhận.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H thì:

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 11-6-2013, bà yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, hoặc ông cấp dưỡng nuôi con bằng quyền sử dụng đất, nếu ông Nguyễn Ngọc H không đồng ý, bà sẽ giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc H có tài sản chung gồm Quyền sử dụng diện tích đất 11.031m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 910, tờ bản đồ số 33, xã XT; quyền sử dụng đất các thửa số 1011, 1007, 1009, 1010, 1006, 1046, 1044, 1004, 1049, 1048, 1047, 1050, 1081, 1083, 1082, 963, tờ bản đồ số 34, xã XT; quyền sử dụng đất thửa số 01, tờ bản đồ số 40, xã XT; quyền sở hữu căn nhà cấp 4, trên thửa đất số 910, tờ bản đồ số 33, xã XT. Bà yêu cầu toàn bộ khối tài sản trên chia thành 05 phần, bà và ông Nguyễn Ngọc H mỗi người một phần và 03 người con mỗi người

một phần.

Về nợ chung: Bà và ông Nguyễn Ngọc H có nợ bà Lê Thị Thu T số tiền 30.000.000 đồng, bà Lê Thị Thu T đã khởi kiện vợ chồng tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc và đã được giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Áp dụng các điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim P; giao người con chung tên Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 11-6-2013 cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi con bà Nguyễn Thị Kim P mỗi tháng 1.000.000đồng; tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc H; bà Nguyễn Thị Kim P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên áp dụng Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 14-3-1996, Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, cấp cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim P đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị P là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*:

Ông Nguyễn Ngọc H cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn thương yêu nhau, nên ông Nguyễn Ngọc H yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim P.

Bà Nguyễn Thị Kim P không đồng ý ly hôn, nhưng bà thừa nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay, do ông Nguyễn Ngọc H đi ra ngoài ăn chơi, không quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc. Vào năm 2014, ông Nguyễn Ngọc H đã một lần nộp đơn yêu cầu ly hôn; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim P nhiều lần để làm việc, hòa giải nhưng ông bà vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Mặt khác, bà Nguyễn Thị Kim P nhiều lần vắng mặt. Tòa án tiến hành xác

minh tình trạng hôn nhân của ông bà được biết, vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

*[4] Về con chung:*

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim P thống nhất có 03 người con chung tên : Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 19-10-1996, Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-1997, đã trưởng thành, có việc làm, đủ khả năng tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 11-6-2013. Khi ly hôn, ông Nguyễn Ngọc H đồng ý giao người con chung tên Nguyễn Ngọc U cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của con chung được sống với bà Nguyễn Thị Kim P, thời gian qua bà nuôi con đảm bảo. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Ngọc U cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà Nguyễn Thị Kim P yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng hoặc cấp dưỡng nuôi con bằng quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Ngọc H không đồng ý và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, con của ông bà đang độ tuổi ăn học, cần đảm bảo các điều kiện cơ bản để phát triển, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng của bà Nguyễn Thị Kim P, là phù hợp với mức chi tiêu sinh hoạt tại địa phương.

*[5] Về tài sản:*

Ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Bà Nguyễn Thị Kim P có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung. Đơn phản tố ghi ngày 16-9-2020, của bà Nguyễn Thị Kim P chưa đúng quy định tại Điều 189, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Thông báo số 152/TB-TA ngày 16-9-2020, yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn phản tố, nhưng quá thời hạn mà bà Nguyễn Thị Kim P không sửa đổi, bổ sung. Do đó, Tòa án đã trả lại đơn phản tố, bà Nguyễn Thị Kim P không có khiếu nại và cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo quy định.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kim P có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì bà khởi kiện thành vụ án khác.

*[6] Về nợ chung:*

Ông Nguyễn Ngọc H trình bày không có. Bà Nguyễn Thị Kim P trình bày vợ chồng có nợ bà Lê Thị Thu T 30.000.000 đồng. Xét thấy, khoản nợ này đã được giải quyết tại Bản án số 10/2015/DSST ngày 16-6-2015, của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, hiện đang trong giai đoạn thi hành án. Do đó, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

*[7] Về án phí:*

Ông Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên và các chứng cứ có tại hồ sơ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

#### **Tuyên xử :**

##### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim P.

##### **2. Về nuôi con chung:**

Hai người con chung tên Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 19-10-1996 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14-12-1997, đã trưởng thành, có việc làm ổn định, đủ khả năng tự nuôi bản thân, nên không giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 11-6-2013, cho bà Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Kim P có yêu cầu khác.

Ông Nguyễn Ngọc H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị Kim P mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Kim P (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*), ông Nguyễn Ngọc H phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

##### **3. Về tài sản chung và nợ:** Không giải quyết.

##### **4. Về án phí:**

Nguyễn Ngọc H phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn và **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Ngọc H nộp theo Biên lai thu tiền số **0009436** ngày **06-7-2020**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí, ông Nguyễn Ngọc H phải nộp bổ sung **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XT;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Anh Dũng**